

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HSST
Ngày 21/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Toàn Thắng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Nhiều và ông Đoàn Minh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 114/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/HSST-QĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Đào Ngọc Q, tên gọi khác: không, giới tính: Nam. Sinh ngày 16/7/1988, tại tỉnh T. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Đào Trung T, sinh năm 1954. Năm 1986, ông Đào Trung T được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì do đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; ông T được cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; Vợ: Hoàng Ngọc A, sinh năm 1993, trú tại Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T. Con: có 02 con, sinh năm 2019 và 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Học hết 12/12, sau đó lao động tự do tại địa phương. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại: Anh Mai Văn T, sinh năm 1979, trú tại thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Đã chết)

* Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Chị Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1988; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Đều trú tại thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T.

(Điều ủy quyền cho anh Mai Thế C, sinh năm 1982. Trú tại thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T).

(Điều vắng mặt)

* Người có quyền lợi liên quan:

- Mai Như Qu, sinh năm 2009, (là con anh Mai Văn T);

- Mai Bảo N, sinh năm 2013 (là con anh Mai Văn T);

Đều trú tại thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Qu, cháu N: Chị Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1988 (là mẹ của cháu Qu, cháu N); trú tại thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T (Điều vắng mặt)

* Người đại diện theo ủy quyền: Anh Mai Thế C, sinh năm 1982. Trú tại thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(vắng mặt).

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Tiến Ch, sinh năm 1977. Trú tại: tổ 12, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

- Anh Vũ Công H, sinh năm 1987. Trú tại: thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T (Điều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 01/4/2024, Đào Ngọc Q, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T (đã được Sở Giao thông vận tải tỉnh T cấp Giấy phép lái xe hạng B2 có giá trị đến ngày 21/01/2025) đỗ xe ô tô tải thùng biển số 17C – 152.94 ở lòng đường 454 (trước cửa quán bán hàng của Q) thuộc địa phận thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T, đầu xe ô tô hướng thành phố T, đuôi xe hướng cầu C. Sau khi đỗ xe ô tô xong, Q tắt máy xuống xe đi vào cửa hàng, Q không bật đèn cảnh báo nguy hiểm, không đặt biển báo hiệu nguy hiểm ở trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết.

Khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày, anh Mai Văn T, sinh năm 1979, trú tại thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T (trong máu có nồng độ cồn là 191.60mg/100ml) một mình điều khiển xe mô biển số 17B9 - 096.78, đi phía trước anh T là anh Nguyễn Tiến Ch, sinh năm 1977, trú tại tổ 12 phường Q, thành phố T, tỉnh T (là bạn anh T) một mình điều khiển xe mô tô biển số 17N1 – 0019 đi trên đường 454 hướng cầu C đi thành phố T. Anh T điều khiển xe mô tô vượt lên trước xe mô tô do anh Ch điều khiển, do đã không chú ý quan sát, không làm chủ được tốc độ nên đã đâm vào phía sau xe ô tô tải thùng biển số 17C – 152.94. Ốp nhựa màu bạc của

kính đèn pha phía trước xe mô tô va chạm với 02 ốc cố định bên phải của phần kim loại với thanh chốt cửa bên trái phía sau thùng xe ô tô. Ốp nhựa cụm đồng hồ công tơ mét trên xe mô tô va chạm với mặt sau khung kim loại thùng xe ô tô. Sau khi va chạm, theo quán tính, phần mặt, cổ, ngực, anh T va đập với phần phía sau thùng xe ô tô biển số 17C – 152.94; phần bụng, mặt trước mặt trong hai chân anh T va chạm với phần đầu xe mô tô biển số 17B9 - 096.78. Sau khi va đập anh T cùng xe mô tô đều đổ nghiêng trái xuống mặt đường 454. Do anh T bị thương nên được người thân đưa đến Bệnh viện đa khoa T cấp cứu vào hồi 22 giờ 14 phút cùng ngày và nằm theo dõi tại Bệnh viện. Đến 05 giờ 39 phút ngày 02/4/2024 vợ anh T là chị Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1988 đã viết bản cam kết cho bệnh nhân xin về và thuê xe ô tô đưa anh T về nhà. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày anh T vẫn kêu đau vùng bụng nên chị Th tiếp tục thuê xe ô tô đưa anh T lên Bệnh viện đa khoa tỉnh T để cấp cứu thì phát hiện anh T bị sốc nhiễm trùng, viêm phúc mạc do thủng ruột non, thủng đại tràng nên Bệnh viện đa khoa tỉnh T đã tiến hành mổ cấp cứu. Đến 01 giờ 08 phút ngày 03/4/2024 anh T được chuyển đến Bệnh viện B – H cấp cứu lọc máu liên tục. Tuy nhiên tình trạng bệnh không tiến triển, đến ngày 15/4/2024 anh T được xuất viện về nhà và chết hồi 18 giờ 45 phút cùng ngày tại gia đình.

Cơ quan cảnh sát điều tra cùng các cơ quan chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường và khám nghiệm phương tiện, khám nghiệm tử thi, xác định:

Khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường vụ tai nạn được xác định là là mặt đường 454 khu vực trước cửa nhà anh Đào Ngọc Q, sinh năm 1988, trú tại xã V, thành phố T, tỉnh T và trước cửa nhà anh Bùi Quang H, sinh năm 1983, trú tại xã V, thành phố T, tỉnh T. Đường 454 nơi xảy ra tai nạn là đường tỉnh lộ, mặt đường rải bê tông nhựa rộng 10,35m; vạch sơn màu vàng và màu trắng dạng đứt quãng đều có chiều rộng 0,15m chia mặt đường thành các làn có số đo cụ thể như sau: Hai làn đường tiếp giáp với vạch sơn màu vàng tại tim đường về hai phía rộng là 3,35m; hai làn đường tiếp giáp với mép đường rộng 1,6m được ngăn cách với làn đường phía tim đường bằng vạch sơn màu trắng dạng đứt quãng. Tính theo chiều đi từ cầu C, xã V đi thành phố T tiếp giáp mép đường về hai phía là vạch sơn liền màu trắng rộng 0,2m, tiếp giáp vạch sơn bên phải đường là lề đường + mặt cống thoát nước rộng 0,9m, tiếp giáp mặt cống thoát nước bê tông bên phải là vỉa hè rộng 4,3m cao hơn mặt đường 0,15m. Đường 454 có hệ thống đèn chiếu sáng, không rõ tình trạng hoạt động.

Lấy mép phải đường chiều đi từ cầu C xã V đi thành phố T làm chuẩn. Lấy góc nhà Tây Bắc nhà anh Bùi Quang H (góc Tây Nam nhà anh Đào Ngọc Q) làm mốc.

- Dấu vết mới để trên mặt đường: (1) Tại mặt đường để lại vết cây xước mặt đường dạng đứt quãng mới có hướng từ mép đường chuẩn về phía tim đường. Vết

đo (0,10x0,01)m, điểm đầu vết cách mốc 6,2m về phía cầu C. Điểm đầu, điểm cuối vết cách mép đường chuẩn lần lượt là 0,4m và 0,3m. (2) Tại mặt đường để lại vết làm vỡ đá mặt đường đo (0,01x0,01)m. Tâm vết (2) cách điểm đầu vết (1) 0,24m về phía thành phố T. Tâm vết (2) cách mặt đường chuẩn 0,44m. (3) Tại mặt đường để lại vết thâm đen mặt đường đo (1x0,3)m. Tâm vết (2) cách điểm đầu vết (1) 1,1m về phía đường, cách mép đường chuẩn 1,45m. (4) Trên mặt vạch sơn trắng tiếp giáp mép đường chuẩn để lại vết trượt miết bề mặt, để lại tạp chất màu đen đo (0,4x0,1)m có hướng cầu C đi thành phố T. Tâm điểm đầu, và cuối vết tại mép đường chuẩn. Tâm đầu vết (4) cách tâm vết (2) 0,7m về phía thành phố T. (5) Tại góc cây trên vỉa hè bên phải mép đường chuẩn để lại hai mảnh nhựa vỡ màu xanh và màu bạc ánh kim loại dạng nhựa ốp đầu xe mô tô. Tâm đám mảnh nhựa cách điểm đầu vết (4) là 2,04m về phía thành phố T. Tâm mảnh nhựa cách mép đường chuẩn 1,4m.

Tại Công văn số 2199/SGTVT-QLKCHT ngày 24/9/2024 của Sở giao thông vận tải tỉnh T trả lời: *Tuyến đường tỉnh 454 có điểm đầu từ thị trấn H, điểm cuối là phà S xã V, huyện V có chiều dài là 35km. Vị trí đi qua thôn T, xã V, huyện V hiện tại được xác định từ Km29+150 đến Km 31+600. Căn cứ vào Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh T đến năm 2040 thì địa phận thôn T, xã V, huyện V không nằm trong quy hoạch đô thị nên đoạn tuyến trên không là đường phố.*

Khám nghiệm xe mô tô biển số 17B9 – 096.78, nhãn hiệu HONDA, loại xe SHMODE, sơn màu xanh – nâu. Dấu vết trên xe: Gãy mất một phần đầu trước chắn bùn bánh trước, mất mới ốp mặt nạ đầu xe. Cánh yếm bên phải bật hờ khỏi vị trí định vị, đầu trên cánh yếm có dấu vết nứt vỡ nhựa, bề mặt trượt xước sơn nhựa hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính tạp chất màu nâu dạng han gỉ, mất sơn màu xanh toàn bộ vết đo (22x11)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết lần lượt cách đất 71cm và 81cm trong đó: Vết tại vị trí cách đầu trước cách yếm 9cm có dấu vết trượt xước sơn nhựa, mất sơn màu xanh hướng từ trước về sau, bám dính tạp chất màu nâu, vết đo (7x4,5)cm, vị trí cao nhất và thấp nhất của vết cách đất 72cm và 76,5cm; Cách vết trên về phía sau 3cm, mặt ngoài cách yếm có dấu vết trượt xước sơn nhựa, mất một phần sơn nhựa màu xanh hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính tạp chất màu nâu, vết đo (6x7)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 74cm và 80cm. Khung kim loại cố định acquy có dấu vết trượt xước sơn, xước kim loại hướng từ trước về sau, từ dưới lên trên, bề mặt bám dính tạp chất màu vàng, vết đo (10,5x2)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 72cm và 81cm. Cánh yếm bên trái bật hờ vị trí định vị, đầu trên cánh yếm có dấu vết trượt xước sơn nhựa, nứt vỡ nhựa hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính tạp chất màu nâu, vết đo (20x11)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 69cm và 80cm. Phần bên trái mặt kính đèn pha phía trước có dấu vết trượt xước kính

nhựa hướng từ trước về sau, vết đo (9x6,5)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 93cm và 101cm. Tương ứng vết trên sang bên trái, tại mặt ốp nhựa màu bạc có 02 dấu vết trượt xước sơn nhựa hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính tạp chất màu nâu, đầu 02 vết cách nhau 3cm; trong đó vết bên trên có số đo (2,5x2)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 95cm và 97cm; vết bên dưới có số đo (0,5x0,5)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 93cm và 93,5cm. Tương ứng vết trên sang trái, tại mặt ngoài ốp nhựa đầu xe có dấu vết trượt xước sơn nhựa hướng từ trước về sau, bề mặt mất sơn màu xanh, bám dính tạp chất màu nâu; vết đo (6x5,5)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 94cm và 100cm. Ốp nhựa phía sau đầu xe (tương ứng bên phải cụm đồng hồ công tơ mét) có dấu vết trượt xước sơn nhựa, nứt vỡ nhựa hướng từ phải sang trái; toàn bộ vết đo (27x10)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất 97cm và 108cm, vị trí này có các gờ nổi bề rộng 0,1cm, cách nhau 0,1cm. Mặt lặn bánh lốp trước, vị trí cách chân van 19cm theo ngược chiều chuyển động tiến, vết đo (27x10)cm, đường kính ngoài của lốp trước là 5,5cm.

Xem xét mảnh nhựa màu bạc có kích thước (28,5x26,5)cm, cách cạnh dưới ốp nhựa 5,5cm có dấu vết vỡ nhựa nằm ngang trượt xước sơn nhựa hướng từ dưới lên trên, bề mặt bám dính tạp chất màu xanh, vết đo (11x3)cm. Cách cạnh dưới 16cm, tại đầu phần nhựa bên trái có dấu vết mất vỡ nhựa, trượt xước sơn nhựa hướng từ trước về sau, vết đo (4x4)cm. Mặt sau mảnh nhựa rải rác có dấu vết trượt xước sơn nhựa. Đầu tay phanh bên trái, cạnh ngoài chân chống phụ, cạnh ngoài bên trái chân chống đứng, mặt ngoài giá đỡ chân sau bên trái, mặt ngoài ốp kim loại bên trái thân máy có dấu vết trượt xước sơn, xước kim loại, bám dính bột đá.

Khám nghiệm xe ô tô tải thùng kín, biển kiểm soát 17C-152.94, nhãn hiệu HYUNDAI số loại NEN MTGHTY N250/VANDAO-TK, kích thước bao (550x193x255)cm xe có 02 gương chiếu hậu hai bên, 01 gương chiếu đầu xe bên phải và 01 gương chiếu cánh cửa cabin bên phải, xe có 02 trục bánh, trục I bánh đơn, trục II bánh kép, trục I có lốp 6,50R16, trục II có lốp 5,50R13; xe sơn màu xanh. Tuốt mất mỗi cản phía sau. Dấu vết trên phương tiện: Biển số xe phía sau đuôi xe bị đẩy cong từ sau về trước, kính nhựa biển số có dấu vết nứt vỡ nhựa, bề mặt trượt xước kính nhựa hướng từ sau về trước, vết đo (34x10)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 49cm và 59cm. Cạnh dưới mặt sau đuôi thùng xe, vị trí cách thành xe bên phải 114cm có dấu vết trượt xước sơn, xước kim loại hướng từ sau về trước, bề mặt mất sơn màu xanh, vết đo (7x4)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 67,5cm và 73,5cm. Cách vết trên sang phải 6cm có dấu vết cong kim loại, trượt xước sơn, xước kim loại, mất một phần sơn màu xanh hướng từ sau về trước, vết đo (14x4)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 68cm và 72cm. Tương ứng vết trên lên phía trên mặt sau đuôi thùng xe có dấu vết trượt

xước sơn, xước kim loại, mất một phần sơn màu xanh hướng từ sau về trước, vết đo (10x4)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 72,5cm và 76cm. Tại vị trí này có in hình bề rộng 0,1cm và cách nhau 0,1cm. Cách vết trên sang phải 3,5cm có dấu vết trượt xước sơn, xước kim loại tại mặt sau đuôi thùng xe hướng từ sau về trước, mất sơn màu xanh và một phần han gỉ màu nâu, vết đo (5x2)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 67cm và 69cm. Cách vết trên sang phải 3cm, tại mặt ngoài đầu dưới thanh chốt cửa bên phải có dấu vết trượt xước kim loại hướng từ sau về trước, mất một phần han gỉ màu nâu, vết đo (6x3,5)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 74,5cm và 78cm. Tại mặt ngoài, đầu dưới thanh chốt cửa bên trái có dấu vết trượt xước kim loại, mất một phần han gỉ hướng từ sau về trước, bám dính tạp chất màu xanh và màu bạc, vết đo (6,5x4)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 75cm và 79cm. Tương ứng vết trên lên trên 7cm, tại mặt ngoài miếng kim loại cố định thanh chốt cửa và mặt ngoài thanh chốt cửa tương ứng có dấu vết trượt xước sơn, xước kim loại, mất han gỉ màu nâu hướng từ sau về trước, bề mặt bám dính tạp chất màu xanh, vết đo (11x3,5)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 86cm và 97cm; tương ứng vết đo trên sang bên phải, tại đầu ngoài hai ốc cố định miếng kim loại có dấu vết trượt xước kim loại hướng từ sau về trước, bề mặt bám dính tạp chất màu bạc. Đầu hai ốc cách nhau 3cm, ốc phía trên vết có số đo là (2x0,5)cm, ốc phía dưới có số đo (0,5x0,5)cm, vị trí vết của ốc phía dưới cách đất thấp nhất và cao nhất 87,5cm và 88cm. Mặt sau phía đuôi thùng xe vị trí cách cạnh phải thùng xe 97cm có dấu vết cong lõm kim loại hướng từ sau về trước, vết đo (12x10)cm, vị trí thấp nhất và cao nhất của vết cách đất 162cm và 172cm.

Xem xét khung kim loại làm bằng sắt hộp chữ nhật có kích thước (6x3)cm (là cản sau xe ô tô, BKS 17C – 152.94): vị trí cách đầu bên phải 90cm có dấu vết cong biến dạng kim loại hướng từ sau về trước, bề mặt trượt xước sơn, xước kim loại, bám dính tạp chất màu xanh; vết đo (15x8)cm.

Kết quả khám nghiệm tử thi anh Mai Văn T, sinh năm 1979, HKTT: thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T.

Khám ngoài: Các dấu vết, tổn thương trên cơ thể: Vùng trán bên trái sát trên cung lông mày có vết sây sát da đã đóng vảy và rách da đã khô, đo (2,5x1,5)cm; Vùng cánh mũi bên trái, toàn bộ môi trên, góc miệng bên phải, gò má trái có vết sây sát da đã đóng vảy và bong vảy, đo (11x10)cm; Hai mắt nhắm rím, kết mạc hai mắt xung huyết, củng mạc hai mắt vàng. Lỗ mũi, lỗ tai hai bên khô. Miệng ngậm hờ, môi tím tái, các răng không tổn thương; Vùng cổ trước và vùng cổ bên bên phải có vết sây sát da đã bong vảy, đo (18x9)cm; Vùng cổ bên trái có đặt Catheten; Vùng bụng trên đường trắng giữa có vết mổ đã khô nằm dọc dài 22cm; Vùng bụng bên trái cách hai chậu trước trên 5cm có vết mổ đặt hậu môn nhân tạo, đo (4x3,5)cm;

Toàn bộ vùng ngực bụng hai bên tập trung chủ yếu vùng bụng rải rác có nhiều vết xây xước da, trợt da, đo (36x32)cm; Vùng đầu có tóc che phủ, không có dấu hiệu tổn thương; Toàn bộ vùng lưng, mông hai bên có nhiều vết trợt da, tụ máu đo (72x32)cm; Vùng bụng bên phải có vết mổ có đặt ống nhựa màu trắng, có nhiều máu chảy ra; Toàn bộ mặt trước, mặt trong, mặt sau khuỷu tay phải có nhiều vết xây xước da đã đóng vảy, đo (13x3)cm; 2/3 trên mặt sau cánh tay trái có vết xây xước da đã đóng vảy, đo (11x8)cm; Toàn bộ mặt sau khuỷu tay trái có vết xây xước da đã đóng vảy, đo (12x7)cm; Mặt trước gối phải có vết xây xước da đã đóng vảy và diện da sẫm màu, đo (11x10)cm; 1/3 giữa mặt trong cẳng chân phải có vết xây xước da đã đóng vảy, đo (9x5)cm; 1/3 giữa mặt trước ngoài đùi trái có vết xây xước da, trợt da, đo (14x4)cm; Mặt ngoài gối trái có vết xây xước da đã đóng vảy, đo (5x2)cm.

Khám trong: Gia đình kiên quyết từ chối giải phẫu tử thi.

Tại bản kết luận giám định số 536/KLGĐTT-KTHS ngày 25/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: *Do gia đình từ chối phẫu thuật tử thi nên không đủ căn cứ để kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Mai Văn T.*

Tại bản kết luận giám định tử thi qua hồ sơ số 663/KLGĐTT-KTHS ngày 04/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: *Qua nghiên cứu hồ sơ gửi giám định không đủ căn cứ để kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Mai Văn T.*

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 5021/KL-KTHS ngày 25/7/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể qua hồ sơ đối với nạn nhân Mai Văn T, sinh năm 1979, HKTT: thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T kết luận:

Các kết luận chính: Căn cứ kết quả nghiên cứu qua hồ sơ, thể hiện ông Mai Văn T có các tổn thương: Vết thương vùng trán trái, đã khâu; Vết phẫu thuật tại đường trắng giữa trên và dưới rốn; Vết dẫn lưu vùng hố chậu phải; Vỡ ruột non, rách mạc treo ruột non phải cắt đoạn ruột non; Rách thanh cơ đại tràng sigma; rách mạc treo đại tràng sigma phải cắt đoạn đại tràng sigma, làm hậu môn nhân tạo; Xây xước da vùng cánh mũi trái, cổ, ngực, bụng, lưng, mông, tay phải, tay trái, gối hai bên và cẳng chân hai bên.

Kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể: Áp dụng khoản 2, Điều 2 thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế; đối chiếu bảng 1 – Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau: Vết thương vùng trán trái: 03% (áp dụng nguyên tắc 2 và Mục I.1, Chương 8). Vết phẫu thuật tại đường trắng giữa trên và dưới rốn: 01% (áp dụng Mục I.1, Chương 8). Vết dẫn lưu vùng hố chậu phải: 01% (áp dụng Mục I.1, Chương 8). Vỡ ruột non, rách mạc treo ruột non phải cắt đoạn ruột non: 36% (áp dụng Mục III.2.1, Chương 4). Rách thanh cơ đại tràng sigma; rách mạc treo đại

tràng sigma phải cắt đoạn đại tràng sigma, làm hậu môn nhân tạo: 46% (áp dụng Mục IV.2.1, Chương 4).

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Mai Văn Tưu qua hồ sơ là 67% (sáu mươi bảy phần trăm). Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế không quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với sây sát da.

Cáo trạng số 10/CT-VKSVT ngày 27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T truy tố đối với bị cáo Đào Ngọc Q về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị Đào Ngọc Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đào Ngọc Q từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã V, thành phố T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành thời gian thử thách của án treo. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí : Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo các quyền của bị cáo và những người tham gia tố tụng, đảm bảo sự khách

quan, không ép cung, không dùng nhục hình. Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đều đúng mẫu văn bản tố tụng, đúng nội dung theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

[2] Về căn cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố đã nêu phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như:

- Biên bản xác định hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 04/4/2024; Biên bản làm việc, biên bản thực nghiệm điều tra ngày 17/11/2024 tại đường 454 thuộc địa phận thôn H, xã V, huyện V, tỉnh T.

- Biên bản khám nghiệm phương tiện và Bản ảnh khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 10/4/2024; kèm bản ảnh phương tiện.

- Kết luận giám định số 587/KLGĐTT-KTHS ngày 13/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T về dấu vết va chạm giữa hai phương tiện, kèm bản ảnh giám định.

- Biên bản khám nghiệm tử thi và Bản ảnh khám nghiệm tử thi ngày 15/4/2024, tại gia đình nạn nhân Mai Văn T, ở thôn B, xã V, huyện V, tỉnh T ; Biên bản làm việc và đơn từ chối khám nghiệm tử thi của gia đình bị hại.

- Kết luận giám định tử thi số 536/KLGĐTT-KTHS ngày 25/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T.

- Kết luận giám định tử thi qua hồ sơ số 663/KLGĐTT-KTHS ngày 04/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 5021/KL-KTHS ngày 25/7/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an.

- Công văn số 2444/C09-T11 ngày 22/8/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giải thích kết luận giám định

- Giấy chứng nhận thương tích, giấy chứng nhận thương tích ban đầu, bệnh án ngoại khoa của Bệnh nhân Mai Văn T tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T; giấy chứng nhận thương tích, bệnh án của bệnh nhân Mai Văn T tại Bệnh viện B H.

- Công văn số 960/BV-KHTH ngày 15/7/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh T v/v trả lời công văn số 610/CV-ĐTTH ngày 01/7/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V; Công văn số 1197 ngày 20/8/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh T; Biên bản làm việc hồi 18 giờ 15 ngày 04/4/2024 trích xuất, niêm phong dữ liệu camera tại cửa hàng nhà Đào Ngọc Q; Biên bản làm việc hồi 19 giờ 30 ngày 04/4/2024 trích xuất, niêm phong dữ liệu camera tại nhà anh Vũ Công H tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh T.

- Kết luận giám định số 551/KLGĐTT-KTHS ngày 07/5/2024 của Phòng Kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh T về các tập tin video tại camera an ninh, kèm theo bản ảnh giám định.

- Phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu hồi 22 giờ 58 phút ngày 01/4/2024 về việc kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của Mai Văn T : 191,6 mg/100ml.

- Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Tiến Ch, sinh năm 1977, trú tại tổ 12, phường Q, thành phố T, tỉnh T, anh Vũ Công H, sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh T ;

- Biên bản ghi lời khai những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Hồ Minh S, sinh năm 1975, trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh T ; chị Vũ Thị Ngọc A, sinh năm 1991, trú tại tổ 16, phường Q, thành phố T, tỉnh T (Bút lục từ số 602 đến 609); Các bác sĩ, điều dưỡng bệnh viện Đa khoa tỉnh T: Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1983, bác sĩ khoa cấp cứu, trú tại tổ 7, phường K, thành phố T; Chị Tô Thị Thu H, sinh năm 1997, bác sĩ khoa cấp cứu, trú tại thôn Th, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T; anh Đào Văn T, sinh năm 1988, điều dưỡng khoa cấp cứu, trú tại tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh T; ông Phạm Công C, sinh năm 1964, bác sĩ khoa chẩn đoán hình ảnh, trú tại tổ 12, phường T, thành phố T; anh Đặng Văn T, sinh năm 1984, kỹ thuật viên khoa chẩn đoán hình ảnh, trú tại tổ 21 phường K, thành phố T; anh Lê Ánh N, sinh năm 1982, bác sĩ khoa ngoại tổng hợp, trú tại tổ 19, phường T, thành phố T; anh Khúc Văn B, sinh năm 1986, bác sĩ khoa ngoại tổng hợp, trú tại tổ 17, phường K, thành phố T, tỉnh T; anh Phạm Quốc V, sinh năm 1978, bác sĩ gây mê hồi sức, trú tại tổ 2, phường H, thành phố T, tỉnh T; chị Đỗ Thanh H, sinh năm 1984, bác sĩ gây mê hồi sức, trú tại tổ 5, phường H, thành phố T, tỉnh T;

- Biên bản ghi lời khai người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1988, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955, cùng trú tại thôn B, xã V, huyện V, tỉnh T và người đại diện theo ủy quyền của bị hại là anh Mai Thế C , sinh năm 1982, trú tại thôn B, xã V, huyện V, tỉnh T.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 01/04/2024, tại đoạn đường 454 thuộc địa phận thôn T, xã V, huyện V, tỉnh T, Đào Ngọc Q (đã được cấp giấy phép lái xe hạng B2) đã đổ xe ô tô biển số 17C – 152.94 dưới lòng đường 454, khi rời khỏi xe ô tô Q đã không bật đèn cảnh báo nguy hiểm, không đặt biển báo hiệu nguy hiểm ở trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết. Khi anh Mai Văn T điều khiển xe mô tô biển số 17B9 - 096.78 đi đến đoạn đường này đã đâm vào phía sau thùng xe ô tô biển số 17C – 152.94, bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T, sau đó chuyển bệnh viện B, H. Hậu quả của vụ tai nạn giao thông làm anh T bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T và Bệnh viện B, H sau đó chết hồi 18 giờ 45 phút ngày 15/4/2024 tại gia đình. Do gia đình kiên quyết từ chối khám nghiệm tử thi

nên không kết luận được nguyên nhân chết, kết quả giám định thương tích qua hồ sơ xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Mai Văn T là 67% (sáu mươi bảy phần trăm).

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ. Bị cáo Đào Ngọc Q (đã được cấp giấy phép lái xe hạng B2) đã đỗ xe ô tô biển số 17C – 152.94 dưới lòng đường 454, khi rời khỏi xe ô tô Q đã không bật đèn cảnh báo nguy hiểm, không đặt biển báo hiệu nguy hiểm ở trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết đã vi phạm điểm a và điểm d khoản 3 Điều 18 Luật giao thông đường bộ, làm anh Mai Văn T bị thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 67% (sáu mươi bảy phần trăm).

Trong vụ án này anh Mai Văn T điều khiển xe mô tô biển số 17B9 - 096.78 sau khi sử dụng rượu (trong máu có nồng độ cồn 191.60mg/100ml), đã không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ, đâm vào phía sau xe ô tô biển số 17C - 152.94 do Đào Ngọc Q đỗ dưới lòng đường 454. Hành vi của anh Mai Văn T đã vi phạm khoản 8 Điều 8 và Điều 12 Luật giao thông đường bộ, cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến xảy ra vụ tai nạn giao thông.

Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã vi phạm điểm a và điểm d khoản 3 Điều 18 Luật giao thông đường bộ, làm anh Mai Văn T bị thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 67% (sáu mươi bảy phần trăm). Vì vậy bị cáo Đào Ngọc Q đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 18 Luật Giao thông đường bộ. Dừng xe, đỗ xe trên đường bộ

1. Dừng xe là trạng thái đứng yên tạm thời của phương tiện giao thông trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để cho người lên, xuống phương tiện, xếp dỡ hàng hóa hoặc thực hiện công việc khác.

2. Đỗ xe là trạng thái đứng yên của phương tiện giao thông không giới hạn thời gian.

3. Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ phải thực hiện quy định sau đây:

a) Có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết;

b) Cho xe dừng, đỗ ở nơi có lề đường rộng hoặc khu đất ở bên ngoài phần đường xe chạy; trường hợp lề đường hẹp hoặc không có lề đường thì phải cho xe dừng, đỗ sát mép đường phía bên phải theo chiều đi của mình;

c) Trường hợp trên đường đã xây dựng nơi dừng xe, đỗ xe hoặc quy định các điểm dừng xe, đỗ xe thì phải dừng, đỗ xe tại các vị trí đó;

d) Sau khi đỗ xe, chỉ được rời khỏi xe khi đã thực hiện các biện pháp an toàn; nếu xe đỗ chiếm một phần đường xe chạy phải đặt ngay biển báo hiệu

nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết;

đ) Không mở cửa xe, để cửa xe mở hoặc bước xuống xe khi chưa bảo đảm điều kiện an toàn;

e) Khi dừng xe, không được tắt máy và không được rời khỏi vị trí lái;

g) Xe đỗ trên đoạn đường dốc phải được chèn bánh.

.....

Điều 260. Bộ luật Hình sự: Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

....

...5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo Đào Ngọc Q không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; bị hại có một phần lỗi; đại diện gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bố đẻ của bị cáo là ông Đào Trung T, sinh năm 1954, trú tại thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T là người có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự còn quy định áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tuy nhiên bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động tự do, hành vi chưa đến mức phải áp dụng hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo Đào Ngọc Q.

[6] Về vật chứng, tài sản: Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe mô tô biển số 17B9 - 096.78 do chị Vũ Thị Ngọc A, trú tại tổ 28, phường Q, thành phố T đứng

tên đăng ký xe là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 16/3/2024, chị A đã bán chiếc xe trên cho anh Hồ Minh S, sinh năm 1975, trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh T giá 29.800.000 đồng (có giấy tờ mua bán viết tay, sau đó được công chứng tại UBND phường Q, thành phố T). Sau đó, ngày 01/4/2024 anh S mang chiếc xe trên đến quán sửa xe của anh Mai Văn T để sửa còi và được anh T hẹn chiều cùng ngày đến lấy, tuy nhiên do bận công việc nên anh S hẹn lại đến sáng ngày hôm sau sẽ đến lấy chiếc xe. Cơ quan CSĐT đã trả lại chiếc xe trên cho anh Hồ Minh S. Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe ô tô biển số 17C – 152.94, đăng ký xe mang tên Đào Ngọc Q, là tài sản hợp pháp của Đào Ngọc Q nên đã trả lại chiếc xe trên cho Đào Ngọc Q. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Đào Ngọc Q đã thỏa thuận và tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại Mai Văn T số tiền 70 triệu đồng (trong đó 50 triệu đồng tiền hỗ trợ viện phí, thuốc men và 20 triệu đồng là tiền bồi thường tổn thất tinh thần). Đến nay việc thỏa thuận, bồi thường dân sự đã xong, gia đình bị hại không còn yêu cầu, đề nghị bồi thường nào khác. Hai xe mô tô và xe ô tô hư hỏng nhẹ, chủ sở hữu là ông Hồ Minh S, sinh năm 1975, trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh T và Đào Ngọc Q đều không có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Ngọc Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc Q 01 năm (Một năm) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật này.

Giao bị cáo Đào Ngọc Q cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng, tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Đào Ngọc Q phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi liên quan, người đại diện theo ủy quyền có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện V, tỉnh T;
- Công an tỉnh T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Tòa án tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- UBND xã V, thành phố T, tỉnh T;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi liên quan;
- Người đại diện theo ủy quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hà Toàn Thắng

